

NGHIÊN CỨU CÁC CHỈ TỔ DIỄN NGÔN TRONG PHÒNG VẤN ĐƯỜNG PHỐ BẰNG TIẾNG PHÁP

A STUDY ON DISCOURSE MARKERS IN FRENCH STREET INTERVIEWS

Lê Thị Ngọc Hà*, Nguyễn Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Ngọc Thanh Thảo

Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Đà Nẵng, Việt Nam¹

*Tác giả liên hệ / Corresponding author: ltnha@ufl.udn.vn

(Nhận bài / Received: 24/3/2026; Sửa bài / Revised: 29/4/2026; Chấp nhận đăng / Accepted: 26/5/2026)

DOI: 10.31130/ud-jst.2026.24(6B).175

Tóm tắt - Bài báo khảo sát các chỉ tổ diễn ngôn (CTDN) trong phỏng vấn đường phố bằng tiếng Pháp nhằm xác định các chỉ tổ nổi bật, phân tích sự phân bố theo vị trí và làm rõ chức năng diễn ngôn của chúng trong giao tiếp tự phát. Kết quả cho thấy, bốn CTDN xuất hiện với tần suất cao là *voilà*, *oui/ouais*, *donc* và *alors*, với sự khác biệt về phân bố. Về chức năng, các CTDN thể hiện tính đa chức năng và phụ thuộc vào vị trí. Chúng tham gia vào các chức năng như tổ chức cấu trúc diễn ngôn, liên kết phát ngôn, định hướng thông tin, điều phối tương tác và quản lý lượt lời, cũng như biểu đạt thái độ và lập trường của người nói. Những kết quả này góp phần làm rõ vai trò của các CTDN trong giao tiếp, đồng thời bổ sung thêm cơ sở cho các nghiên cứu về diễn ngôn tiếng Pháp.

Từ khóa – Chỉ tổ diễn ngôn; phỏng vấn đường phố; tiếng Pháp; phân tích diễn ngôn.

1. Đặt vấn đề

Trong ngôn ngữ học diễn ngôn, các đơn vị ngôn ngữ không chỉ được xem xét ở phương diện ngữ pháp hay ngữ nghĩa mà còn được nghiên cứu trong mối quan hệ với ngữ cảnh sử dụng và chức năng giao tiếp của chúng. Một số công trình đã chỉ ra rằng các đơn vị ngôn ngữ có thể tham gia vào việc tổ chức diễn ngôn, định hướng diễn giải và điều tiết tương tác giữa các chủ thể giao tiếp. Chẳng hạn, nghiên cứu của Huynh [1] về đặc trưng ngữ nghĩa và ngữ dụng của phó từ *still* trong tiếng Anh và từ tương đương *vẫn* trong tiếng Việt cho thấy một đơn vị ngôn ngữ có thể đảm nhiệm nhiều chức năng khác nhau tùy thuộc vào ngữ cảnh sử dụng. Bên cạnh đó, Phạm và cộng sự [2] khi nghiên cứu nghĩa liên nhân của diễn ngôn cũng nhấn mạnh rằng việc phân tích ngôn ngữ cần được đặt trong bối cảnh diễn ngôn và tương tác giao tiếp, nơi các đơn vị ngôn ngữ tham gia xây dựng quan hệ liên nhân, điều tiết quá trình trao đổi và định hướng cách diễn giải của người tiếp nhận. Những kết quả này cho thấy tầm quan trọng của việc nghiên cứu các đơn vị ngôn ngữ từ góc độ diễn ngôn và ngữ dụng học.

Trong bối cảnh đó, chỉ tổ diễn ngôn (CTDN) được xem là những đơn vị ngôn ngữ có vai trò quan trọng trong việc tổ chức phát ngôn, duy trì sự mạch lạc của diễn ngôn và điều phối tương tác giữa những người tham gia giao tiếp. Mặc dù trước đây các yếu tố này thường bị xem là những thành phần dư thừa hoặc không cần thiết trong phát ngôn, đặc biệt trong lời nói tự phát, nhiều nghiên cứu gần đây đã

Abstract - This article investigates discourse markers (DMs) in French street interviews, aiming to identify prominent markers, analyze their positional distribution, and clarify their functions in spontaneous communication. The findings show that, four DMs - *voilà*, *oui/ouais*, *donc*, and *alors* - occur with high frequency, with clear differences in their distribution. In terms of function, these markers exhibit multifunctionality and are sensitive to their position in the utterance. They contribute to structuring discourse, linking utterances, guiding information, managing interaction and turn-taking, as well as expressing the speaker's stance and attitude. These findings help to clarify the role of discourse markers in spontaneous communication and provide additional support for research on French discourse.

Key words - Discourse markers; street interviews; French; discourse analysis.

chỉ ra rằng chúng đóng vai trò quan trọng trong việc thể hiện ý định giao tiếp của người nói cũng như trong việc cấu trúc nội dung diễn ngôn [3]. Do đó, việc nghiên cứu các CTDN đã trở thành một hướng nghiên cứu quan trọng trong ngôn ngữ học hiện đại, đặc biệt trong lĩnh vực phân tích diễn ngôn và ngữ dụng học.

Trong những năm gần đây, nhiều nghiên cứu đã tập trung khảo sát chức năng và tần suất của các CTDN trong những bối cảnh giao tiếp khác nhau. Một số công trình nghiên cứu dựa trên kho ngữ liệu đã chỉ ra rằng các CTDN có thể đảm nhiệm nhiều chức năng khác nhau tùy thuộc vào ngữ cảnh sử dụng. Chẳng hạn, Farahani & Ghane [4] khi phân tích các CTDN như *I mean*, *I think*, *you see* và *you know* đã chỉ ra rằng những yếu tố này giữ vai trò quan trọng trong việc tổ chức diễn ngôn cũng như điều chỉnh mối quan hệ tương tác giữa người nói và người nghe. Bên cạnh đó, nhiều nghiên cứu khác tập trung vào diễn ngôn truyền thông và các chương trình phỏng vấn. Kết quả nghiên cứu của Fu & Ho [5], Fu và cộng sự [6] cho thấy, các CTDN như *so*, *and*, *but*, *you know* hay *I mean* xuất hiện với tần suất cao trong các chương trình phỏng vấn truyền hình, đồng thời góp phần điều tiết tương tác, làm rõ thông tin và duy trì mạch hội thoại. Ngoài ra, một số công trình còn chỉ ra rằng việc sử dụng CTDN có thể chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố xã hội và văn hóa, chẳng hạn như nền văn hóa, ngôn ngữ thứ nhất hoặc giới tính của người nói [7], [8].

¹ The University of Danang – University of Foreign Language Studies, Vietnam (Le Thi Ngoc Ha, Nguyen Thi Minh Nguyệt, Nguyen Ngoc Thanh Thao)

Song song với các nghiên cứu CTDN trong tiếng Anh, nhiều công trình cũng tập trung phân tích các CTDN trong tiếng Pháp, đặc biệt trong lời nói tự phát. Các nghiên cứu của Lefevre [9], [10] chỉ ra rằng, những yếu tố như *bon*, *quoi* hay *eh bien* có thể đóng vai trò đánh dấu ranh giới của các đơn vị diễn ngôn và định hướng sự phát triển của phát ngôn. Theo cùng hướng tiếp cận này, một số công trình đã tiếp tục làm rõ tính đa chức năng của các CTDN trong tiếng Pháp, chẳng hạn như *ah oui* / *ah ouais* [11], hiện tượng lặp lại của *oui* [12] hoặc khả năng kết hợp của *bon* trong lời nói tự phát [13]. Bên cạnh đó, một số nghiên cứu còn nhấn mạnh vai trò của các CTDN trong việc điều phối tương tác hội thoại và xây dựng sự căn chỉnh giữa các người tham gia giao tiếp [14], [15].

Mặc dù, nhiều nghiên cứu đã làm rõ chức năng của các CTDN trong nhiều loại diễn ngôn khác nhau, nhưng phần lớn các công trình vẫn tập trung vào những bối cảnh như diễn ngôn học thuật, chương trình truyền hình hoặc phỏng vấn chính trị. Trong khi đó, phỏng vấn đường phố - một dạng diễn ngôn nói mang tính tự phát cao và thường xuất hiện nhiều CTDN nhằm duy trì tương tác, tổ chức phát ngôn và thể hiện thái độ của người nói vẫn còn ít được khảo sát, đặc biệt trong ngữ cảnh tiếng Pháp.

Xuất phát từ thực tế đó, nghiên cứu này nhằm xác định các CTDN xuất hiện thường xuyên trong các phỏng vấn đường phố bằng tiếng Pháp và khảo sát sự phân bố của chúng theo vị trí trong phát ngôn. Đồng thời, nghiên cứu cũng phân tích chức năng diễn ngôn mà các CTDN này đảm nhiệm trong quá trình tổ chức và triển khai diễn ngôn trong bối cảnh phỏng vấn đường phố.

2. Chỉ tổ diễn ngôn

2.1. Khái niệm CTDN

Theo Schifffrin [16], CTDN là những yếu tố phụ thuộc vào trình tự phát ngôn, không bắt buộc về mặt ngữ pháp mà chủ yếu dùng để tổ chức diễn ngôn, đánh dấu ranh giới và sự chuyển tiếp giữa các đơn vị lời nói, qua đó đảm bảo tính mạch lạc và liên tục trong giao tiếp. Chúng có thể vận hành ở nhiều cấp độ khác nhau, từ kết nối các phát ngôn đơn lẻ đến liên kết các tầng ý nghĩa trong toàn bộ tiến trình diễn đạt.

Tiếp nối cách tiếp cận này, Hansen [17] bổ sung rằng, CTDN là những đơn vị không mang nội dung mệnh đề, có chức năng thiết lập mối quan hệ liên kết trong diễn ngôn với phạm vi tác động linh hoạt, từ các mô hình ngữ điệu, phát ngôn đơn lẻ cho đến những đoạn phát ngôn kéo dài. Nhờ đó, chúng định hướng cách người nghe diễn giải và duy trì tính mạch lạc trong tương tác.

Trên cơ sở tổng hợp các quan điểm trên, nghiên cứu xác định CTDN là những đơn vị ngôn ngữ không mang nội dung mệnh đề, có chức năng tổ chức, liên kết và định hướng diễn giải trong diễn ngôn.

2.2. Tiêu chí xác định CTDN

Dựa trên cách tiếp cận của Fraser [18], [19], một đơn vị được xác định là CTDN khi đáp ứng các tiêu chí sau:

(1) Tính chất từ vựng: CTDN là các biểu thức ngôn ngữ cụ thể không bao gồm các yếu tố ngữ điệu (ngắt, nhấn, cao độ) hay yếu tố phi ngôn ngữ.

(2) Vị trí trong cấu trúc diễn ngôn: CTDN xuất hiện trong mối quan hệ giữa hai phân đoạn diễn ngôn, trong đó chúng gắn với phân đoạn thứ hai và có thể xuất hiện ở vị trí đầu, giữa hoặc cuối phát ngôn tùy theo loại CTDN và ngữ cảnh sử dụng.

(3) Chức năng ngữ dụng: CTDN không đóng góp vào nội dung mệnh đề của phát ngôn mà có chức năng biểu thị mối quan hệ diễn giải giữa các phân đoạn diễn ngôn, chẳng hạn như quan hệ đối lập, bổ sung, hệ quả hoặc chuyển tiếp.

(4) Tính phân biệt: CTDN cần được phân biệt với các đơn vị khác như liên từ cú pháp, trạng từ tình thái hoặc các yếu tố đệm. Cụ thể, các đơn vị này hoặc là thành phần của cấu trúc ngữ pháp bắt buộc, hoặc không thực hiện chức năng thiết lập quan hệ diễn ngôn giữa các phát ngôn.

2.3. Vị trí của CTDN

Theo Bravo Cladera [20], các CTDN thường được phân bố ở ba vị trí cơ bản trong phát ngôn: vị trí đầu, vị trí giữa và vị trí cuối phát ngôn. Ở vị trí đầu phát ngôn, các CTDN thường đảm nhiệm chức năng mở đầu lượt lời hoặc liên kết với ngữ cảnh trước đó; ở vị trí giữa phát ngôn, chúng góp phần tổ chức thông tin và làm nổi bật nội dung trung tâm của phát ngôn; trong khi đó, ở vị trí cuối phát ngôn, chúng thường đánh dấu sự kết thúc của lượt lời. Các nghiên cứu của Fraser [18] cũng chỉ ra rằng, vị trí của các CTDN không mang tính ngẫu nhiên mà có mối liên hệ chặt chẽ với chức năng của chúng trong việc tổ chức thông tin trong phát ngôn.

2.4. Chức năng của CTDN

Trong ngôn ngữ học diễn ngôn, các CTDN thường được xem là những yếu tố ngôn ngữ đa chức năng, có khả năng tham gia vào nhiều bình diện khác nhau của diễn ngôn. Theo Schifffrin [16], các chỉ tố này góp phần tổ chức cấu trúc của diễn ngôn và tạo ra sự liên kết giữa các đơn vị phát ngôn trong hội thoại. Fraser [19] cũng cho rằng, các CTDN hoạt động như những tín hiệu ngữ dụng, cho phép người nghe nhận diện mối quan hệ diễn giải giữa phát ngôn hiện tại và phát ngôn trước đó.

Mở rộng từ các cách tiếp cận trên, Brinton [21] xem CTDN là những đơn vị mang tính quy ước trong diễn ngôn, hoạt động chủ yếu ở hai bình diện văn bản và tương tác, qua đó góp phần đánh dấu ranh giới, tổ chức tiến trình diễn ngôn và duy trì mạch hội thoại trong giao tiếp tự nhiên. Tương tự, Archer và cộng sự [22] nhấn mạnh tính đa chức năng của CTDN khi phân biệt hai bình diện chính: ở bình diện văn bản, CTDN đánh dấu ranh giới và thiết lập quan hệ giữa các phát ngôn; ở bình diện liên nhân, chúng điều chỉnh quan hệ giữa người nói và người nghe, đồng thời biểu đạt thái độ và định hướng cách diễn giải phát ngôn.

Từ cơ sở và tổng hợp các quan điểm của Brinton [21], Fraser [19], Archer và cộng sự [22], trong khuôn khổ nghiên cứu này, CTDN được xác định là những đơn vị ngôn ngữ đa chức năng, đảm nhiệm các chức năng chủ yếu sau: (1) Tổ chức cấu trúc diễn ngôn; (2) Điều phối tương tác hoặc quản lý lượt lời; (3) Liên kết phát ngôn; (4) Tổ chức hoặc định hướng thông tin; (5) Sửa chữa hoặc điều chỉnh phát ngôn; (6) Biểu đạt thái độ hoặc lập trường của người nói.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng kết hợp với phân tích định tính nhằm khảo sát việc sử dụng các CTDN trong phỏng vấn đường phố bằng tiếng Pháp. Cụ thể, phương pháp định lượng, thông qua thống kê mô tả, được sử dụng để xác định tần suất xuất hiện và phân bố vị trí của các CTDN trong phát ngôn. Trên cơ sở đó, phân tích định tính được triển khai nhằm nhận diện và phân loại các chức năng diễn ngôn của chúng, qua đó làm rõ cách thức CTDN vận hành trong diễn ngôn.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Ngữ liệu nghiên cứu gồm 20 video phỏng vấn đường phố được thu thập từ kênh YouTube Easy French trong giai đoạn 2025–2026. Nội dung các video xoay quanh các chủ đề đời sống quen thuộc như: *thời quen sinh hoạt, ẩm thực, tiêu dùng và đời sống đô thị, văn hóa – xã hội, du lịch và nơi ở...*

Trong phạm vi nghiên cứu, bài báo tập trung vào việc nhận diện, phân loại và phân tích chức năng của CTDN trong diễn ngôn. Các yếu tố như giới tính, độ tuổi hay nghề nghiệp ... không được xem xét trong mối liên hệ với việc sử dụng CTDN, nhằm đảm bảo tập trung vào bình diện ngôn ngữ và chức năng diễn ngôn, phù hợp với mục tiêu nghiên cứu.

3.3. Quy trình thu thập và phân tích dữ liệu

Dữ liệu được thu thập từ các video và được nhận diện, mã hóa dựa trên tiêu chí phân loại của Fraser [16], [17]. Trên cơ sở đó, các đơn vị được thống kê nhằm xác định những CTDN xuất hiện với tần suất cao trong ngữ liệu. Tiếp theo, các CTDN được phân tích theo hai bình diện: (i) vị trí phân bố trong phát ngôn (đầu, giữa, cuối) và (ii) chức năng diễn ngôn trong ngữ cảnh sử dụng cụ thể. Việc phân tích chức năng được thực hiện dựa trên khung lý thuyết đã xây dựng, nhằm làm rõ vai trò của các CTDN trong tổ chức, liên kết và điều tiết diễn ngôn. Cuối cùng, các kết quả được tổng hợp để khái quát đặc điểm phân bố và chức năng của CTDN trong phỏng vấn đường phố.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Tần suất xuất hiện và vị trí của các CTDN trong các phỏng vấn đường phố bằng tiếng Pháp

Trên cơ sở ngữ liệu đã thu thập, nghiên cứu tiến hành thống kê tần suất xuất hiện của các CTDN nhằm xác định những CTDN được sử dụng phổ biến trong phỏng vấn đường phố. Kết quả thống kê cho thấy, có mười CTDN có tần suất xuất hiện cao nhất (Bảng 1).

Theo kết quả Bảng 1, có thể thấy, trong tổng số 799 trường hợp CTDN được ghi nhận, một số CTDN xuất hiện với tần suất cao hơn rõ rệt so với các chỉ tố khác. Trong đó, *voilà* xuất hiện nhiều nhất với 198 lần (24,8%), tiếp theo là *oui/ouais* với 132 lần (16,5%), *donc* với 126 lần (15,8%), *alors* với 82 lần (10,3%) và *moi* với 77 lần (9,6%). Các CTDN còn lại như *bah*, *en fait*, *là*, *quoi* và *du coup* xuất hiện với tần suất thấp hơn. Kết quả này cho thấy, một số CTDN đóng vai trò nổi bật trong diễn ngôn phỏng vấn đường phố, nơi người nói thường sử

dụng các yếu tố diễn ngôn để tổ chức phát ngôn và duy trì tương tác.

Bảng 1. Tần suất xuất hiện của các CTDN

CTDN	Số lần xuất hiện	Tỷ lệ (%)
<i>Voilà</i>	198	24,8
<i>Oui/ouais</i>	132	16,5
<i>Donc</i>	126	15,8
<i>Alors</i>	82	10,3
<i>Moi</i>	77	9,6
<i>Bah</i>	58	7,3
<i>En fait</i>	34	4,3
<i>Là</i>	33	4,1
<i>Quoi</i>	31	3,9
<i>Du coup</i>	28	3,5
Tổng cộng	799	100

Kết quả này nhất quán với quan sát của Brezar [13] về vai trò nổi bật của CTDN trong lời nói tự phát, đồng thời bổ sung bằng chứng thực nghiệm cụ thể trong ngữ cảnh phỏng vấn đường phố bằng tiếng Pháp, qua đó làm rõ cách thức các CTDN được phân bố và ưu tiên sử dụng trong một kiểu diễn ngôn tự nhiên đặc thù.

Sự phân bố vị trí của các CTDN trong phát ngôn được trình bày trong Bảng 2 cho thấy, xu hướng sử dụng khác nhau giữa các chỉ tố. Nhìn chung, các CTDN xuất hiện chủ yếu ở đầu phát ngôn, đặc biệt đối với các yếu tố như *alors* (91,5%), *moi* (79,2%), *bah* (72,4%), *donc* (61,1%), *là* (57,6%) và *oui/ouais* (54,5%). Vị trí này cho thấy vai trò của CTDN trong việc mở đầu và định hướng phát ngôn, giúp người nói thiết lập mạch diễn ngôn hoặc chuyển sang một nội dung mới.

Bảng 2. Phân bố vị trí của các CTDN

CTDN	Đầu phát ngôn		Giữa phát ngôn		Cuối phát ngôn	
	SL	%	SL	%	SL	%
<i>Voilà</i>	46/198	23,2	28/198	14,1	124/198	62,6
<i>Oui/ouais</i>	72/132	54,5	15/132	11,4	45/132	34,1
<i>Donc</i>	77/126	61,1	49/126	38,9	-	-
<i>Alors</i>	75/82	91,5	7/82	8,5	-	-
<i>Moi</i>	61/77	79,2	10/77	13,9	6/77	7,8
<i>Bah</i>	42/58	72,4	16/58	27,6	-	-
<i>En fait</i>	10/34	29,4	8/34	23,5	16/34	47,1
<i>Là</i>	19/33	57,6	14/33	42,4	-	-
<i>Quoi</i>	-	-	5/31	16,1	26/31	83,9
<i>Du coup</i>	15/28	53,6	9/28	32,1	4/28	14,3

Ở vị trí giữa phát ngôn, một số CTDN như *donc* (38,9%), *du coup* (32,1%), *bah* (27,6%), *en fait* (23,5%) và *là* (42,4%) xuất hiện với tỉ lệ đáng kể. Điều này cho thấy, trong quá trình trả lời phỏng vấn, người nói thường sử dụng các CTDN như những yếu tố liên kết và điều chỉnh tiến trình phát ngôn, giúp bổ sung, giải thích hoặc chuyển tiếp thông tin. Vai trò này cũng đã được nhấn mạnh trong nghiên cứu của Crible [14], theo đó các CTDN góp phần điều phối tiến trình tương tác và duy trì sự liên kết giữa các phần của diễn ngôn.

Trong khi đó, vị trí cuối phát ngôn chủ yếu gắn với một số CTDN nhất định. Cụ thể, *quoi* là chỉ tố xuất hiện với tỉ lệ cao nhất (83,9%), tiếp theo là *voilà* (62,6%), *en fait* (47,1%) và *oui/ouais* (34,1%).

4.2. Chức năng diễn ngôn của các CTDN

Dựa trên kết quả thống kê tần suất và phân bố vị trí của các CTDN trong ngữ liệu, phần tiếp theo của nghiên cứu tập trung phân tích chức năng diễn ngôn của một số CTDN tiêu biểu trong các phỏng vấn đường phố bằng tiếng Pháp. Cụ thể, nghiên cứu tập trung vào bốn chỉ tố tiêu biểu là *voilà*, *oui/ouais*, *donc* và *alors*, để tiến hành phân tích chi tiết. Việc lựa chọn này không chỉ dựa trên tần suất xuất hiện mà còn dựa trên tính điển hình về chức năng, khi các CTDN này thể hiện rõ nhiều kiểu chức năng diễn ngôn khác nhau trong tương tác lời nói tự phát. Đồng thời, mặc dù các CTDN khác trong ngữ liệu cũng có vai trò quan trọng, việc giới hạn số lượng đối tượng phân tích cho phép đi sâu làm rõ cơ chế hoạt động và giá trị chức năng của từng CTDN trong ngữ cảnh cụ thể, thay vì dừng lại ở mô tả khái quát.

4.2.1. Voilà

Trong số các CTDN được ghi nhận trong ngữ liệu, *voilà* là yếu tố xuất hiện với tần suất cao nhất (24,8%). Chỉ tố này có thể xuất hiện ở nhiều vị trí khác nhau trong phát ngôn và đảm nhiệm nhiều chức năng diễn ngôn tùy theo ngữ cảnh sử dụng.

a. Voilà ở vị trí đầu phát ngôn

Khi xuất hiện ở vị trí đầu phát ngôn, *voilà* thường thực hiện chức năng biểu đạt thái độ của người nói, thông qua việc xác nhận và thể hiện sự đồng thuận với phát ngôn của người đối thoại. Ở chức năng này, chỉ tố này cho phép người nói định vị phát ngôn của mình như một phản hồi mang tính xác nhận đối với nội dung vừa được nêu trong tương tác.

Ví dụ:

– *Vous travaillez chez vous, du coup, si j'ai compris ?*

– *Oui, voilà, je travaille de chez moi et.. bon euh... voilà ..., en plus avec ce monde de télétravail donc ... euh ... voilà ..., maintenant on est tous un peu pareils mais moi, j'ai toujours travaillé chez moi.*

(– *Vậy là bạn làm việc ở nhà, đúng không, nếu tôi hiểu đúng?*

– *Vâng, đúng vậy, tôi làm việc tại nhà. Và... ừm... nói sao nhỉ... với cả cái thời đại làm việc từ xa này nữa, nên... đại khái là bây giờ mọi người đều hơi giống nhau một chút. Nhưng riêng tôi thì tôi luôn làm việc ở nhà rồi).*

(What's Your Morning Routine?, Easy French 134)

Ở đây, *voilà* được sử dụng ngay sau *oui* (vâng) nhằm biểu đạt thái độ của người nói khi xác nhận và củng cố thông tin mà người hỏi vừa suy luận. Chỉ tố này giúp người nói thể hiện sự đồng thuận với phát biểu của người đối thoại, đồng thời điều phối tương tác và quản lý lượt lời khi duy trì mạch hội thoại trước khi tiếp tục phát triển nội dung tiếp theo.

b. Voilà ở vị trí giữa phát ngôn

Ở vị trí giữa phát ngôn, *voilà* được ghi nhận với chức năng định hướng thông tin.

Ví dụ:

– *Qu'est-ce que vous avez mangé ce midi ?*

– *Alors je vais essayer de me faire des petits légumes de saison et avec de la viande et justement, je recherche une bonne boucherie dans le 11ème, voilà, le plan.*

(– *Trưa nay bạn đã ăn gì?*

– *Thì tôi định tự nấu cho mình một ít rau củ theo mùa, kèm với thịt, và đúng lúc, tôi đang tìm một tiệm bán thịt ngon ở quận 11, vậy đấy, kế hoạch là vậy).*

(What is a Typical French Lunch?, Easy French 242)

Ở đây, *voilà* xuất hiện trước từ *le plan* (kế hoạch) và đóng vai trò định hướng thông tin, khi tổng hợp các thông tin đã được triển khai trước đó và làm nổi bật phần nội dung mang tính khái quát. Cụ thể, sau khi nêu các hoạt động dự định, người nói sử dụng *voilà* trước *le plan* (kế hoạch), qua đó đánh dấu sự chuyển sang phần tổng kết nội dung vừa được đề cập.

c. Voilà ở vị trí cuối phát ngôn

Ở vị trí cuối phát ngôn, *voilà* đóng vai trò tổ chức cấu trúc diễn ngôn khi đánh dấu sự hoàn tất của đơn vị phát ngôn.

Ví dụ:

– *Quels sont les plats que vous trouvez réconfortants ?*

– *Le couscous, voilà.*

– *C'est vous qui le faites ?*

– *Non, j'ai jamais fait le couscous. Ma grand-mère le faisait, voilà.*

(*Những món ăn nào bạn thấy mang lại cảm giác ấm áp, dễ chịu?*

– *Món couscous đấy.*

– *Bạn tự nấu món đó à?*

– *Không, tôi chưa bao giờ nấu món couscous. Bà tôi thường nấu món đó, như vậy đấy).*

(Asking French People About Their Favorite Comfort Foods, Easy French 252)

Trong ví dụ này, *voilà* xuất hiện hai lần ở vị trí cuối phát ngôn.

Ở lần thứ nhất (*Le couscous, voilà* - *Món couscous đấy*), *voilà* đánh dấu sự hoàn tất của đơn vị phát ngôn, qua đó khép lại nội dung trả lời ngắn gọn về món ăn được đề cập.

Ở lần thứ hai (*Ma grand-mère le faisait, voilà* - *Bà tôi thường nấu món đó, như vậy đấy*), *voilà* tiếp tục xuất hiện ở vị trí cuối và đảm nhiệm chức năng tương tự, khi đánh dấu điểm kết thúc của phát ngôn sau khi người nói cung cấp thêm thông tin giải thích.

4.2.2. Oui/ouais

Theo kết quả thống kê, *oui/ouais* (trong đó *ouais* được xem là biến thể khẩu ngữ của *oui*) là CTDN xuất hiện với tần suất cao thứ hai trong ngữ liệu (16,5%). Như Vu [11] nhận định, *oui* và *ouais* thường được sử dụng gần như có thể thay thế cho nhau, bởi cùng một người nói có thể luân phiên sử dụng hai hình thức này trong cùng một lượt lời hoặc giữa các lượt lời khác nhau. Giống như *voilà*, chỉ tố này cũng xuất hiện ở ba vị trí trong phát ngôn: đầu, giữa và cuối phát ngôn.

a. *Oui/Ouais* ở vị trí đầu phát ngôn

Ở vị trí đầu phát ngôn, *oui/ouais* được ghi nhận với chức năng biểu đạt thái độ của người nói khi thể hiện sự xác nhận hoặc đồng thuận đối với nội dung vừa được nêu.

Ví dụ:

– *Il coûte combien le paquet de cigarettes ?*

– *Ça coûte, je crois, plus que dix euros, genre douze euros. Ouais, c'est horrible.*

(– *Một gói thuốc lá giá bao nhiêu?*)

– *Nó có giá, tôi nghĩ, hơn mười euro, khoảng mười hai euro. Đúng vậy, thật kinh khủng).*

(What Can You Buy For €10 in Paris ?, Easy French 245)

Sau khi cung cấp thông tin về giá thuốc lá, người nói sử dụng *ouais* như một yếu tố xác nhận nội dung vừa nêu, trước khi đưa ra bình luận của mình. Sự kết hợp giữa *ouais* và phát ngôn đánh giá (*c'est horrible- thật kinh khủng*) cho thấy chỉ tố này góp phần biểu đạt thái độ của người nói, khi thể hiện sự đồng tình với thông tin trước đó đồng thời nhấn mạnh nhận định mang tính đánh giá.

b. *Oui/ouais* ở vị trí giữa phát ngôn

Khi xuất hiện ở vị trí giữa phát ngôn, *oui/ouais* hoạt động như một CTDN giúp tổ chức và định hướng thông tin trong quá trình triển khai phát ngôn.

Ví dụ:

– *C'est quoi un Café CROUS ?*

– *Un Café CROUS, en vrai, j'ai juste appris qu'est-ce que c'était aujourd'hui donc c'est un café pour les étudiants à remise, à prix... réduit, ouais exact donc ouais, c'est sympa.*

– *Café CROUS là gì?*

– *Thực ra thì hôm nay tôi mới biết Café CROUS là gì. Đó là một quán cà phê dành cho sinh viên có giá ưu đãi, kiểu giá... giảm, đúng vậy, chính xác như vậy, đúng vậy, nên cũng khá hay ho).*

(What is a Typical French Lunch?, Easy French 242)

Ở đây, *ouais* xuất hiện hai lần ở vị trí giữa phát ngôn. Ở lần xuất hiện thứ nhất (*prix... réduit, ouais exact*), chỉ tố này đi kèm với “*exact*” và đánh dấu sự hoàn tất của phần điều chỉnh thông tin, qua đó giúp xác nhận và định vị lại nội dung vừa được nêu (*prix réduit – giá giảm*).

Tương tự, ở lần xuất hiện thứ hai (*donc ouais, c'est sympa*), *ouais* xuất hiện trước một phát ngôn mang tính đánh giá và góp phần định hướng người nghe sang phần nhận định tổng quát, khi nối phần giải thích trước đó với kết luận được đưa ra (*c'est sympa – cũng khá hay ho*).

Như vậy, *oui/ouais* ở vị trí giữa phát ngôn chủ yếu đảm nhiệm chức năng tổ chức và định hướng thông tin, khi tham gia vào việc xác lập và chuyển hướng nội dung trong quá trình triển khai phát ngôn.

c. *Oui/ouais* ở vị trí cuối phát ngôn

Khi xuất hiện ở vị trí cuối phát ngôn, *oui/ouais* giữ vai trò biểu đạt lập trường của người nói.

Ví dụ:

– *Et donc, quand vous avez fait quelque chose, vous le*

barrez, c'est ça ?

– *Exactement. J'ai un petit cahier, comme à l'ancienne. Vraiment, j'aime bien fonctionner avec le papier, avec un stylo. Ouais, je suis plus comme ça, ouais.*

(– *Vậy là khi bạn đã làm xong một việc gì đó thì bạn gạch nó đi, đúng không?*)

– *Chính xác. Tôi có một cuốn sổ nhỏ, kiểu như cách làm ngày xưa vậy. Thực sự tôi thích làm việc với giấy và bút hơn. Đúng vậy, tôi thiên về cách đó hơn, đúng vậy đấy).*

(Are French people organised?, Easy French 251)

Ở đây, *ouais* có chức năng biểu đạt lập trường của người nói, khi nhấn mạnh và củng cố quan điểm cá nhân vừa được nêu (*je suis plus comme ça, ouais - tôi thiên về cách đó hơn, đúng vậy đấy*).

4.2.3. *Donc*

Donc cũng là một CTDN xuất hiện khá thường xuyên trong các phòng vấn đường phố. Tuy nhiên, khác với *voilà* và *oui/ouais*, trong ngữ liệu khảo sát *donc* chỉ xuất hiện ở hai vị trí trong phát ngôn, cụ thể là ở đầu và ở giữa phát ngôn.

a. *Donc* ở vị trí đầu phát ngôn

Ở vị trí đầu phát ngôn, *donc* thường đảm nhiệm chức năng liên kết phát ngôn.

Ví dụ:

– *Et est-ce que vous avez déjà essayé de faire moins de shopping?*

– *Oui, j'ai essayé. Et d'ailleurs, la grossesse me freine parce que du coup, je me dis comme c'est temporaire, je vais pas aller dépenser plein d'argent pour plus mettre les vêtements après. Donc, j'essaie de me freiner.*

(– *Bạn đã bao giờ thử mua sắm ít lại chưa?*)

– *Có, tôi đã thử rồi. Thực ra việc mang thai cũng khiến tôi phải hạn chế, vì tôi nghĩ rằng đó chỉ là tạm thời nên tôi sẽ không tiêu quá nhiều tiền để mua quần áo rồi sau đó lại không mặc nữa. Vì vậy, tôi cố gắng kiềm chế bản thân).*

(What are the french addicted to?, Easy French 243)

Trong ví dụ này, người được phỏng vấn trước tiên trình bày một loạt nguyên nhân nhằm lý giải cho việc giảm hành vi mua sắm, sau đó sử dụng chỉ tố *donc* để liên kết phát ngôn tiếp theo (*donc j'essaie de me freiner – vì vậy, tôi cố gắng kiềm chế bản thân*).

b. *Donc* ở vị trí giữa phát ngôn

Tương tự, ở vị trí giữa phát ngôn, *donc* cũng thực hiện chức năng liên kết phát ngôn.

Ví dụ:

– *Et est-ce que c'est difficile d'avoir des animaux à Paris ?*

– *Ça peut l'être, oui, mais de mon côté, je m'en sors.*

C'est un chat qui est sage, donc... mais je pense que oui.

(– *Việc nuôi thú cưng ở Paris có khó không?*)

– *Có thể là khó, đúng vậy, nhưng về phần tôi thì tôi vẫn xoay sở được.*

Con mèo của tôi khá ngoan, nên... nhưng tôi nghĩ là có).

(What Pets Do Parisians Have, Easy French 254)

Trong phát ngôn của người trả lời khi nói về việc nuôi thú cưng ở Paris, *donc* xuất hiện sau thông tin (*C'est un chat qui est sage - Con mèo của tôi khá ngoan*) và gọi ra một quan hệ liên kết giữa nội dung đã nêu trước đó và một kết luận tiềm năng tiếp theo. Tuy nhiên, kết luận này không được triển khai đầy đủ mà bị gián đoạn khi người nói chuyển sang một phát ngôn khác (*mais je pense que oui - nhưng tôi nghĩ là có*).

4.2.4. Alors

Alors cũng là một CTDN xuất hiện khá thường xuyên trong ngữ liệu khảo sát, với 82 lần xuất hiện. Tương tự *donc*, chỉ tố này chỉ được ghi nhận ở hai vị trí trong phát ngôn: vị trí đầu và vị trí giữa phát ngôn, trong đó vị trí đầu phát ngôn chiếm tỉ lệ áp đảo (91,5%).

a. Alors ở vị trí đầu phát ngôn

Ở vị trí đầu phát ngôn, *alors* có thể đảm nhiệm chức năng định hướng thông tin và liên kết phát ngôn.

Ví dụ:

– *Alors, qu'est-ce qu'on mange?*

– *Alors dans le sud-ouest, on mange beaucoup de foie gras, magret, mais aussi des huîtres, des fruits de mer, la bûche traditionnelle, on va dire.*

(– *Vậy thì chúng ta ăn gì?*)

– *Thì ở vùng Tây Nam nước Pháp, người ta ăn rất nhiều gan ngỗng béo, ức vịt, nhưng cũng có hàu, các loại hải sản, và bánh khúc cây truyền thống, có thể nói là như vậy).*

(What Are People Doing for Christmas in France?, Easy French 248)

Trong ví dụ này, *alors* xuất hiện ở đầu phát ngôn của cả người phỏng vấn và người được phỏng vấn, nhưng đảm nhiệm các vai trò khác nhau.

Ở phát ngôn của người phỏng vấn (*Alors, qu'est-ce qu'on mange? - Vậy thì chúng ta ăn gì?*), *alors* được sử dụng để định hướng nội dung câu hỏi, qua đó giới thiệu chủ đề sẽ được đề cập trong tương tác.

Ngược lại, ở phát ngôn của người được phỏng vấn (*Alors dans le sud-ouest... - Thì ở vùng Tây Nam nước Pháp ...*), *alors* lại gắn với chức năng liên kết phát ngôn, khi nối phần trả lời với câu hỏi trước đó và thiết lập sự tiếp nối trong mạch hội thoại.

b. Alors ở vị trí giữa phát ngôn

Ở vị trí giữa phát ngôn, *alors* chủ yếu thực hiện chức năng liên kết phát ngôn.

Ví dụ:

– *Et vous mangez à quelle heure alors, après? Vous attendez le déjeuner?*

– *Dix heures, à partir de dix heures, c'est bon ça se déclenche, le petit gargouillis, donc euh... à partir de dix heures, pas avant.*

(– *Thế thì sau đó bạn ăn vào lúc mấy giờ? Bạn đợi đến bữa trưa à?*)

– *Khoảng mười giờ. Từ mười giờ trở đi là được, lúc đó bắt đầu thấy bụng còn cào ròi, nên... từ mười giờ trở đi, không sớm hơn).*

(What's your morning routine?, Easy French 134)

Trong câu hỏi của người phỏng vấn, *alors* được chèn vào giữa phát ngôn (*À quelle heure alors, après? - Thế thì sau đó bạn ăn vào lúc mấy giờ?*) và không khởi động một lượt lời mới. Ở vị trí này, *alors* thực hiện chức năng liên kết phát ngôn khi nối kết câu hỏi với phần ngữ cảnh trước đó trong chuỗi tương tác. Tuy nhiên, khác với trường hợp ở đầu phát ngôn, sự liên kết này không nhằm mở ra một đơn vị diễn ngôn mới, mà chỉ góp phần duy trì tính liên tục của phát ngôn đang được triển khai.

Phân kết quả và thảo luận cho thấy các CTDN không chỉ xuất hiện với tần suất đáng kể trong ngữ liệu mà còn thể hiện sự phân bố khác biệt theo vị trí trong phát ngôn, qua đó phản ánh mức độ linh hoạt và phạm vi hoạt động không đồng nhất giữa các chỉ tố. Đáng chú ý, các CTDN như *voilà* và *oui/ouais* có khả năng xuất hiện ở nhiều vị trí và đảm nhiệm đa dạng chức năng, trong khi *donc* và *alors* có xu hướng bị giới hạn hơn về vị trí và thể hiện các chức năng mang tính tổ chức diễn ngôn rõ nét hơn.

Trên bình diện chức năng, các CTDN được huy động linh hoạt trong nhiều phương diện của diễn ngôn, từ tổ chức cấu trúc, định hướng thông tin đến điều phối tương tác và biểu đạt lập trường của người nói. Việc phân tích kết hợp giữa vị trí phát ngôn và chức năng đã cho phép làm rõ mối quan hệ chặt chẽ giữa hình thức, vị trí và giá trị diễn ngôn của các chỉ tố.

Những kết quả này góp phần cung cấp một cái nhìn hệ thống về cách thức các CTDN vận hành trong lời nói tự phát, đồng thời tạo cơ sở cho việc thảo luận sâu hơn về vai trò của chúng trong tổ chức và triển khai diễn ngôn.

5. Kết luận

Nghiên cứu này đóng góp vào lĩnh vực phân tích diễn ngôn bằng cách đề xuất một cách tiếp cận tích hợp giữa phân tích theo vị trí phát ngôn và khung chức năng gồm sáu loại chức năng, qua đó cung cấp một góc nhìn hệ thống về các CTDN trong lời nói tự phát. Cách tiếp cận này cho phép vượt ra khỏi mô tả đơn thuần để làm rõ cách thức các chỉ tố được huy động như những nguồn lực diễn ngôn linh hoạt, gắn với cả tổ chức nội dung và định vị lập trường của người nói.

Về mặt lý thuyết, nghiên cứu góp phần củng cố hướng tiếp cận chức năng trong nghiên cứu CTDN, đồng thời cho thấy tầm quan trọng của việc xét đến yếu tố vị trí như một biến số có ý nghĩa trong việc giải thích sự biến thiên chức năng. Về mặt phương pháp, việc kết hợp hai trục phân tích (vị trí – chức năng) mở ra khả năng xây dựng các mô hình phân tích tinh vi hơn đối với diễn ngôn nói tự phát.

Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng gợi ý rằng việc mở rộng phạm vi khảo sát sang các biến số xã hội hoặc các loại diễn ngôn khác có thể giúp làm rõ hơn tính biến thiên trong cách sử dụng CTDN. Đây là những hướng nghiên cứu tiềm năng nhằm tiếp tục phát triển và kiểm chứng các kết quả của nghiên cứu hiện tại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] T. G. Huynh, "A Study of Semantic and Pragmatic Features of the Adverb "still" and Its Equivalent 'vẫn' in Vietnamese". *The University of Danang - Journal of Science and Technology*, vol. 10, no. 119, pp. 51–55, 2017.
- [2] T. T. D. Pham, N. T. T. Hoang, and T. L. Phan, "A Comparative Study of Interpersonal Meaning in Discourse: Systemic Functional Linguistics and Metadiscourse Theory". *The University of Danang - Journal of Science and Technology*, vol. 24, no. 2, pp. 83–89, 2026.
- [3] L. Fei and Z. Leilei, "The Functions and Meaning Potentials of Discourse Markers in the TV Talk Show Discourse," *J. Pragmat. Discourse Anal.*, vol. 2, no. 1, pp. 36–46, 2023.
- [4] M. V. Farahani and Z. Ghane, "Unpacking the function (s) of discourse markers in academic spoken English: a corpus-based study," *Aust. J. Lang. Lit.*, vol. 45, no. 1, pp. 49–70, 2022.
- [5] Y. Fu and V. Ho, "Discourse markers in TV interviews: A corpus-based comparative study of Chinese and the western media," *Front. Psychol.*, vol. 13, p. 1063158, 2022.
- [6] Y. Fu, M. Afzaal, and D. A. S. El-Dakhs, "Investigating discourse markers 'you know' and 'I mean' in mediatized English political interviews: A corpus-based comparative study," *Front. Commun.*, vol. 9, p. 1427062, 2024.
- [7] Y. Fu, "A comparative analysis of the use of the discourse marker 'but' in a British televised political interview show: A socio-pragmatic perspective," *Corpus-Based Stud. Humanit.*, vol. 2, no. 2, pp. 285–309, 2024.
- [8] A. Zand-Moghadam and L. Bikineh, "Discourse markers in political interviews: A contrastive study of Persian and English," *Int. J. Soc. Cult. Lang.*, vol. 3, no. 1, pp. 47–61, 2015.
- [9] F. Lefevvre, "Bon and quoi in spoken French: markers of the opening and closing of syntactic units in speech," *Linx: Linguistics Review of the University of Paris X Nanterre*, no. 64–65, pp. 223–240, 2011.
- [10] F. Lefevvre, "Eh bien as a discourse evaluator," *Linguistic Studies*, vol. 65, no. 2, pp. 123–143, 2012.
- [11] T. H. Vu, "Resumptive markers: a case study of ah oui/ah ouais," *Linguistic Studies*, vol. 12, pp. 141–163, 2022.
- [12] F. Lefevvre and D. Legallois, "Reduplicated discourse markers: the case of oui oui oui oui," *Representations of Meaning in Linguistics: Intra- and Extra-Sentential Modality*, pp. 181–198, 2020.
- [13] I. Ghidali, "The collocational domain of the discourse marker bon: from spontaneous speech to represented speech," *Linguistic Studies*, vol. 88, no. 1, pp. 121–139, 2024.
- [14] L. Crible, "Ah oui d'accord okay: discourse markers and the expression of conversational alignment," in *SHS Web of Conferences*, EDP Sciences, 2024, p. 01002.
- [15] M. S. Brezar, "The discourse markers "mais" and "alors" as indicators of the degree of orality in official speeches, television debates, and literary dialogues," *Linguistica*, vol. 52, no. 1, pp. 225–237, 2012.
- [16] D. Schiffrin, *Discourse markers*. Cambridge University Press, 1987.
- [17] M.-B. M. Hansen, *The function of discourse particles: A study with special reference to spoken standard French*, vol. 53. John Benjamins Publishing, 1998.
- [18] B. Fraser, "An approach to discourse markers," *J. Pragmat.*, vol. 14, no. 3, pp. 383–398, 1990.
- [19] B. Fraser, "What are discourse markers?," *J. Pragmat.*, vol. 31, no. 7, pp. 931–952, 1999.
- [20] N. Bravo Cladera, "A Study of Discourse Markers and Their Distribution in Dyadic Interactions of Bilingual Youth," 2002.
- [21] L. J. Brinton, *Pragmatic markers in English: Grammaticalization and discourse functions*, vol. 19. Walter de Gruyter, 2010.
- [22] D. Archer, K. Aijmer, and A. Wichmann, *Pragmatics: An advanced resource book for students*. Routledge, 2013.
- [23] G. Dostie, "Discourse marker associations: from free co-occurrence to collocation," *Linguistics Online*, vol. 62, no. 5, pp. 15–45, 2013.